

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 26/03/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+P7+P3	7:25	12+9+0	0+0+0		2+3+17	0+0+0	
2		AMD+TD5+P11	7:25	1+17+0	0+0+0		0+15+7	0+0+0	
3		P10+P8+TD3	9:25	4+6+10	0+0+0		1+4+17	0+0+0	
4		VSP01+BK8+TD2	9:25	10+0+9	0+0+0		5+1+1	0+0+0	chuyen 2 pax bk8-td2

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: TD3 - P7 - P3	CREW: VThắng - NPhú - QTrường	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NAM CƯỜNG	TD3	11	1	7		85	KHOAN	Vietnamese
2	HOÀNG NGỌC NGHĨA	TD3	20	1	7		66	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN VĂN HƯƠNG	TD3	21	1	6		79	KHOAN	Vietnamese
4	ĐẶNG XUÂN LƯU	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
5	ĐÀO LÊ XUÂN SƠN	TD3	19	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN TRỌNG BẢNG	TD3	15-16	2	15		72	KHOAN	Vietnamese
7	VUÔNG HỮU QUỐC THAI	TD3	14	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ TRỌNG NGHĨA	TD3					77	KHOAN	Vietnamese
9	HỒ VĂN THẮNG	TD3	17	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
10	ĐÀU SỸ ĐIỆP	TD3	18	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN SANG	TD3	22	1	6		83	KHOAN	Vietnamese
12	HOÀNG THANH TÚ	TD3	12-13	2	12		88	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN THỂ HẠNH	P7	84	1	12	35	68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRƯỜNG SINH	P7	85	1	9		70	DVL	Vietnamese
15	PHẠM HẢI LONG	P7	51-52	2	15		79	DVL	Vietnamese
16	ĐÀO ANH HUYNH	P7	86-87	2	18		69	DVL	Vietnamese
17	ĐOÀN MINH HƯƠNG	P7	45-46	2	15		62	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	P7	55-56	2	20		85	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN VIỆT HÙNG	P7	53-54	2	17		66	DVL	Vietnamese
20	ĐỖ MINH HOÀNG	P7	50	1	17		75	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN QUANG HUY	P7	49	1	10	30	62	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	12	12	76	919	0	2		
2	P7	9	14	133	636	65	3		
3	P3	0	0	0	0	40	17		
TOTAL		21	26	209	1.555	105	22		
WEIGHT KG				209	1.555	105			

GRAND TOAL: 1.869 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/03/2024	TO: AMD - TD5 - P11	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: LTuấn - MTHAO - THỤ	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TIEN DUAN	AMD	97-98	2	18		65	SOLAR	Vietnamese
2	TU DUONG DUNG	TD5	61	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
3	CAO ĐỨC HAI	TD5	83	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
4	HỒ VĂN TIẾN	TD5	36	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
5	HỒ NGỌC LIÊM	TD5	86	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
6	PHAM XUAN THUY	TD5	60	1	5	40	75	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN TRUNG THAI	TD5	62	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	BUI ĐÌNH PHÚC	TD5	87	1	5	40	70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN ĐỨC MINH	TD5	84-85	2	8		70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN HỮU HOAN	TD5	93	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
11	LƯƠNG MINH PHỤNG	TD5	88	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
12	LUU XUAN HẠNH	TD5	59	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN NAM	TD5	97-98	2	15		90	CODIEN	Vietnamese
14	HỒ CHIẾN THẮNG	TD5	92	1	5		55	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYEN QUỐC BIỂU	TD5	94	1	5		65	CODIEN	Vietnamese
16	HA MẠNH HOÀNG	TD5	89	1	5		75	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐẠI NGHĨA	TD5	95-96	2	14		50	CODIEN	Vietnamese
18	PHUNG BA ĐỀ	TD5	90-91	2	10		71	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	1	2	18	65	0	0		
2	TD5	17	21	114	1.189	80	15		
3	P11	0	0	0	0	70	7		
TOTAL		18	23	132	1.254	150	22		
WEIGHT KG				132	1.254	150			

GRAND TOAL: 1.536 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 28/03/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		T.UNG	7:25	19	0		14	0	
2		AMD+TGTH1+HST	7:25	11+5+2	0+0+0		10+6+3	0+0+0	
3		CTK3+RCDM+TD2	7:25	15+5+1	0+0+0		16+0+5	0+0+0	
4		PPD+RP2+RP3	7:25	19+2+0	0+0+0		20+0+0	0+0+0	chuyen 1 RP2- RP3
5		PPD+AMD+HSD	9:25	10+8+2	0+0+0		10+9+3	0+0+0	
6		MRM+BK20+CTK3	9:45	8+1+12	0+0+0		8+1+12	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày CTK3-5ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/03/2024	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:37
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: MTiến - VThắng	ETA: 10:45
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRUNG PHONG	T.UNG	75	1	12	60	65	CODIEN	Vietnamese
2	ĐỖ THANH TUNG	T.UNG	73-74	2	7		69	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN LEM	T.UNG	68	1	12		67	CODIEN	Vietnamese
4	ĐẶNG TRỌNG DUNG	T.UNG	78-79	2	14		65	CODIEN	Vietnamese
5	ĐOÀN TUẤN DƯƠNG	T.UNG	72	1	3		66	CODIEN	Vietnamese
6	TRƯƠNG VĂN CÔNG	T.UNG	80-81	2	19		78	A CHAU	Vietnamese
7	HUYNH HIẾU NGHĨA	T.UNG	71	1	9		81	PVEP ITC	Vietnamese
8	NGUYỄN DUY TUẤN	T.UNG	87	1	6		80	PVEP ITC	Vietnamese
9	BUI TRỌNG HUNG	T.UNG	84	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
10	DƯƠNG VĂN MẠNH	T.UNG	88-89	2	7		67	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ DUY ĐỨC	T.UNG	86	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ HỒNG QUANG	T.UNG	77	1	7		79	KH-THAC	Vietnamese
13	LƯƠNG VĂN LUÔNG	T.UNG	90	1	9		95	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC BẢO	T.UNG	85	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH BÁC	T.UNG	91-92	2	5		63	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN HẢI	T.UNG	76	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM QUANG QUY	T.UNG	69	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN XUÂN THUY	T.UNG	70	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
19	FEDORCHENKO V.	T.UNG	82-83	2	9		81	KH-THAC	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	19	25	144	1.340	60	14		
TOTAL		19	25	144	1.340	60	14		
WEIGHT KG				144	1.340	60			

GRAND TOAL: 1.544 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 07:40
FLIGHT: 02	TO: AMD - TGTH1 - HST	CREW: NKhánh - Mạnh	ETA: 09:40
TRANG-1A			

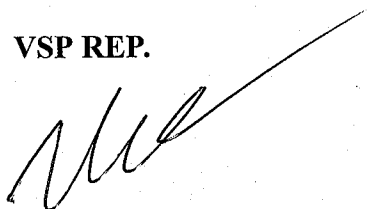
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NGOC TAN	AMD	50	1	5		73	TLJOC	Vietnamese
2	THAN CANH THINH	AMD	56-57	2	12		77	TLJOC	Vietnamese
3	TRINH BICH NGOC	AMD	44-45	2	12		67	TLJOC	Vietnamese
4	NGUYEN XUAN HIEU	AMD	52-53	2	17		86	TLJOC	Vietnamese
5	NGO SY KHOI	AMD	51	1	13		75	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM VAN LAM	AMD	41-43	3	16		74	KH-THAC	Vietnamese
7	LE THANH TAN	AMD	48	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
8	DOAN VAN DUNG	AMD	58-59	2	8		73	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN ANH KHOA	AMD	49	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG TRUNG KIEN	AMD	54-55	2	11		66	KH-THAC	Vietnamese
11	LE TRI TRUNG	AMD	46-47	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
12	LA NGOC HOAN	TGTH1	45	1	9		71	HLJOC	Vietnamese
13	NGUYEN HOANG LONG	TGTH1	41-42	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN MANH HA	TGTH1	40	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN TRUNG	TGTH1	43	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN DUC CUONG	TGTH1	44	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM TUAN CHUNG	HST	45	1	12		60	KH-THAC	Vietnamese
18	CONG DUC MINH TRI	HST	44	1	11		83	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

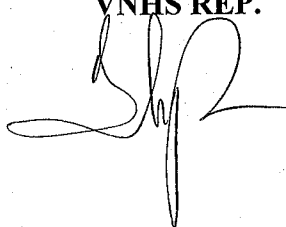
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	11	19	114	788	0	10		
2	TGTH1	5	6	39	335	0	6		
3	HST	2	2	23	143	0	3		
TOTAL		18	27	176	1.266	0	19		
WEIGHT KG				176	1.266	0			

GRAND TOAL: 1.442 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/03/2024	TO: CTK3 - RCDM - TD2	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: QViệt - NPhú - Thành	ETA: 09:20
XANH-1			

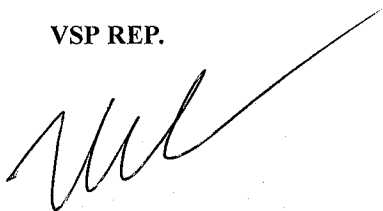
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HỒNG ĐẠI	CTK3	25	1	5	12	72	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG VINH	CTK3					70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TIẾN THĂNG	CTK3					70	NIPi	Vietnamese
4	NGUYỄN THỊ HẠNG	CTK3					50	NIPi	Vietnamese
5	LƯƠNG VIỆT HỢP	CTK3	22	1	3		50	DUY LINH	Vietnamese
6	HỒ THÀNH	CTK3	26	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN DUY AN	CTK3	15-16	2	19		70	XLAP	Vietnamese
8	DOAN VAN GIAP	CTK3	18-19	2	19		70	XLAP	Vietnamese
9	PHAN VĂN TUÂN	CTK3	20	1	7		70	PSV	Vietnamese
10	TRẦN ĐÌNH MINH	CTK3	23-24	2	10		80	PSV	Vietnamese
11	HOANG VĂN BẮC	CTK3					70	PSV	Vietnamese
12	PHAN CÔNG SÂM	CTK3	17	1	3		65	PSV	Vietnamese
13	BUI QUỐC DƯƠNG	CTK3	14	1	7		70	PSV	Vietnamese
14	TRẦN HÙNG ANH	CTK3	13	1	5		67	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN TRUNG CHÍNH	CTK3	21	1	5		70	XLAP	Vietnamese
16	LE DOAN HAI	CTK3	27	1	8		60	XLAP	Vietnamese
17	TRẦN QUANG HUY.	RCDM	35-36	2	18		90	DVL	Vietnamese
18	TÀNG TIẾN TOÀN	RCDM	39	1	10	20	80	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN MINH THAO	RCDM	34	1	17		70	DVL	Vietnamese
20	ĐOÀN PHÚC HOÀNG	RCDM	32-33	2	19		80	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN NAM HAI	RCDM	37-38	2	15		78	DVL	Vietnamese
22	KRAVTSOV ALEXANDR	TD2	61	1	18	60	75	DVL	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	16	15	100	1.074	12	16		
2	RCDM	5	8	79	398	20	0		
3	TD2	1	1	18	75	60	5		
TOTAL		22	24	197	1.547	92	21		
WEIGHT KG				197	1.547	92			

GRAND TOAL: 1.836 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 04	TO: PPD - RP2 - RP3	CREW: CHIẾN - N.ANH - NNam	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH VAN NHA	PPD	76-77	2	10	80	70	KH-THAC	Vietnamese
2	TÔ QUỐC THỊNH	PPD	83-84	2	18		58	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI NANG PHONG	PPD	74	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN CAO CUONG	PPD					69	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN SON	PPD	75	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI VAN ĐÀO	PPD	93	1	15		90	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN CHUNG	PPD	80-81	2	9		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN QUANG HUY	PPD	79	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐANG VAN NINH	PPD					72	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM LE DUONG	PPD	73	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
11	BIEN MINH SON	PPD	82	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN SINH	PPD	78	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN TIEN DAT	PPD	85-86	2	9		82	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN THANH TRÍ	PPD	88	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM THAI SƠN	PPD	90-91	2	16	11	57	CODIEN	Vietnamese
16	TRẦN CAO TUẤN	PPD	89	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN LAM	PPD	72	1	9		90	ANTOAN	Vietnamese
18	LUU QUY TRUNG	PPD	87	1	5		70	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN DINH AN	PPD	94	1	4		57	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN MANH TUNG TAI	RP2	75	1	9	30	75	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYEN VU HUNG	RP2	73	1	10	15	78	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	19	22	138	1.361	91	20		CHUYEN 1 PAX RP2-RP3
2	RP2	2	2	19	153	45	04		
3	RP3	0	0	0	0	0	01		
TOTAL		21	24	157	1.514	136	25		
WEIGHT KG				157	1.514	136			

GRAND TOAL: 1.807 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 05	TO: PPD - AMD - HSD	CREW: QViệt - NPhú - Thành	ETA: 11:40
NAU-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN MẬU SƠN	PPD	88	1	4	90	70	PSV	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC LINH	PPD	76	1	5		67	PSV	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN NAM	PPD					55	PSV	Vietnamese
4	HOÀNG VĂN DOANH	PPD	86-87	2	7		66	PSV	Vietnamese
5	TRẦN MINH THUẬN	PPD	77	1	6		72	PSV	Vietnamese
6	TẠ QUANG PHỤC	PPD	78	1	5		108	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN TIẾN TEO	PPD	75	1	6		56	PSV	Vietnamese
8	HOANG HUU TRỌNG	PPD	73	1	12		65	CODIEN	Vietnamese
9	ĐINH MAI THIÊN	PPD	79	1	11	21	72	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYỄN HIỆP THANH	PPD	74	1	9		83	CODIEN	Vietnamese
11	TRƯƠNG THÊ KHAI	AMD	61	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ QUỐC HUY	AMD	67-68	2	14		90	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ VĂN TRƯỞNG	AMD	60	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
14	HUYNH PHÚC ÂM	AMD	64-65	2	8		68	KH-THAC	Vietnamese
15	CHU VĂN HAO	AMD	62-63	2	11		72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TRƯỞNG	AMD	66	1	4		74	PSV	Vietnamese
17	ĐINH CÔNG HOÀNG	AMD	69	1	6		58	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN DOANH	AMD	70-71	2	11		64	PSV	Vietnamese
19	NGÔ QUANG HUÂN	HSD	43	1	9		67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN QUỐC TỊNH	HSD	42	1	5		78	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	10	10	65	714	111	10		
2	AMD	8	12	66	563	0	9		
3	HSD	2	2	14	145	0	3		
TOTAL		20	24	145	1.422	111	22		
WEIGHT KG				145	1.422	111			

GRAND TOAL: 1.678 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/03/2024	TO: MRM - BK20 - CTK3	AIRCRAFT: 426	ETD: 10:00
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: CHIẾN - N.ANH - N.Nam	ETA: 11:50
TIM-2			

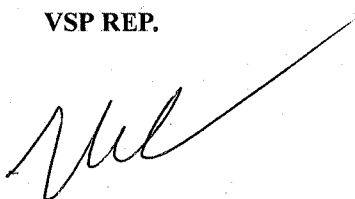
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TYSYACHNIK ALEXANDR	MRM	45-46	2	20		85	AMNGR	Russian
2	LE VĂN ĐỀ	MRM	49	1	10		51	HONG HA	Vietnamese
3	EREMEEV EVGENII N	MRM	47	1	17		100	KHOAN	Russian
4	NGUYỄN VĂN TỊNH	MRM	53	1	12		85	KHOAN	Vietnamese
5	BUI THAI QUÝ	MRM	51	1	12		78	KHOAN	Vietnamese
6	LÀ QUÝ DANH	MRM	50	1	8		60	DVL	Vietnamese
7	CHU ĐÌNH THANH	MRM	48	1	10		55	DVL	Vietnamese
8	LE HUU NGHIA	MRM	52	1	5		74	PSV	Vietnamese
9	DO VAN THANH	BK20	95	1	7	98	88	CODIEN	Vietnamese
10	TRAN CONG PHU	BK20	97	1	8		75	CODIEN	Vietnamese
11	TRẦN TIẾN TRƯỞNG	CTK3	65	1	18	20	67	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐĂNG TÙNG	CTK3	56	1	3		65	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN KIM NIÊN	CTK3	57	1	5		58	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN MINH HOÀNG	CTK3	64	1	4		70	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC TUÂN	CTK3	54-55	2	16		76	DK9	Vietnamese
16	TRẦN VĂN HIẾU	CTK3	58-59	2	8		84	NIPi	Vietnamese
17	ĐẠO HAI NAM	CTK3	62-63	2	15		72	NIPi	Vietnamese
18	BUI VAN TUYEN	CTK3	51	1	10		56	XAYLAP	Vietnamese
19	TRAN MANH HUNG	CTK3	49-50	2	15	22	75	XAYLAP	Vietnamese
20	PHAM ANH QUAN	CTK3	52-53	2	12		63	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

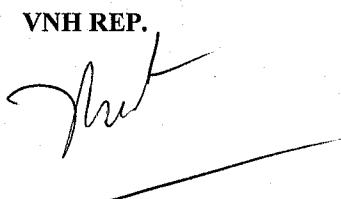
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	8	9	94	588	0	8		CHUYEN 1 PAX BK20-CTK3
2	BK20	2	2	15	163	98	1		
3	CTK3	10	15	106	686	42	12		
TOTAL		20	26	215	1.437	140	21		
WEIGHT KG				215	1.437	140			

GRAND TOAL: 1.792 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

